TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 401/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 5 - 2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Đặng Thị Kim Nhung

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Thịnh - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1084/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị Hồng D, sinh năm 1979
Địa chỉ: 343/6 đường T, phường P, quận T, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh S, sinh năm 1973
Địa chỉ: 343/6 đường Tr, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, ông S vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Thị Hồng Diễm trình bày:

Bà và ông Huỳnh Thanh S kết hôn vào năm 2010, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 140, quyển số 01/2010 ngày 07/12/2010 của Ủy ban nhân dân Phường , quận T, Thành phố H.

Thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó ông S thay đổi, không quan tâm, chăm sóc vợ con như trước, hay nỗi giận vô cớ với vợ con, nhiều lần ông S còn đánh đập bà nhưng vì lo sợ điều tiếng, lo cho con nên bà im lặng, nhẫn nhịn, chịu đựng. Sự bất đồng về quan điểm sống lẫn gánh nặng về kinh tế ngày càng làm cho mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không được, vì vậy bà yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà xác định có 01 con chung tên Huỳnh Thanh D, sinh ngày 19/10/2010, khi ly hôn bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Huỳnh Thanh S vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo qui định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trước đây. Bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử:

Bà Phan Thị Hồng D và ông Huỳnh Thanh S hai người tự tìm hiểu và yêu thương nhau, đăng ký kết hôn ngày 07/12/2010. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà Dyêu cầu được ly hôn ông S.

Về con chung: có 01 con chung là Huỳnh Thanh D, sinh ngày 19/10/2010, khi ly hôn bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: không có.

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Hồng D và ông Huỳnh Thanh S là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên trong quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra, ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 140, quyển số 01/2010 của Ủy ban nhân dân Phường , quận T, Thành phố H cấp ngày 07/12/2010 cho bà Phan Thị Hồng D và ông Huỳnh Thanh S thì quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông S là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận, phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ông S hiện đang cư trú tại quận T, Thành phố H. Do đó, Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Ông Huỳnh Thanh S đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đương sự, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 177, 208, 209, 210 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông S vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 19/3/2018 bà Phan Thị Hồng D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Diễm theo qui định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét bà Phan Thị Hồng D yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Thanh S:

Theo lời trình bày của bà D trong quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông S thay đổi tính tình, không quan tâm, chăm sóc vợ con như trước, hay nỗi giận vô cớ với vợ con, nhiều lần ông S còn đánh đập bà nhưng vì lo sợ điều tiếng, lo cho con nên bà im lặng, nhẫn nhịn, chịu đựng. Sự bất đồng về quan điểm sống lẫn gánh nặng về kinh tế ngày càng làm cho mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng.

Căn cứ kết quả xác minh mâu thuẫn gia đình giữa bà Diễm và ông Sơn có nội dung sau: Quá trình chung số bà D và S thường phát sinh mâu thuẫn, việc đưa đón, chăm sóc con thường do bà D thực hiện. Nay bà D xác nhận không còn tình cảm với ông S. Do đó, có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa bà Dvà ông S đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà D xác nhận có 01 con chung tên Huỳnh Thanh D, sinh ngày 19/10/2010, khi ly hôn bà D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, bà D có đủ điều kiện nuôi con. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét thấy chấp nhận yêu cầu của bà D, giao con chung tên tên Huỳnh Thanh D, sinh ngày 19/10/2010 cho bà D được quyền trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông Sơn cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Hồng D được ly hôn với ông Huỳnh Thanh S. Quan hệ hôn nhân của bà Phan Thị Hồng D và ông Huỳnh Thanh S (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 140, quyển số 01/2010 của Ủy ban nhân dân Phường 5, quận T, Thành phố H cấp ngày 07/12/2010) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao cho bà Phan Thị Hồng D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Huỳnh Thanh D, sinh ngày 19/10/2010.

Trong trường hợp bà D không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông S hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông Sơn cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà D xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng do bà Phan Thị Hồng D chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà D đã nộp theo Biên lai thu số 0010104 ngày 08/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà D đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Hồng D và ông Huỳnh Thanh S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP. HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân P., Q.T, TP.H;
- Lưu VP, hồ sơ (Giang).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Hoàng Lâm